

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng và thiết bị		
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính (1.Gạch; 2. Xi măng; 3.Cát các loại; 4. Đá các loại; 5. Sắt thép các loại; 6. Sơn các loại; 7. Gạch các loại; 8. Vật tư, thiết bị điện, nước, vệ sinh....)	<p>Có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu chính, kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực;</p> <p>Có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của các nhà cung cấp (<i>kèm theo bản chụp được chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh bên cung cấp</i>).</p>	Đạt
	<p>Không có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu chính kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng không phù hợp;</p> <p>Hoặc không có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của các nhà cung cấp.</p>	Không đạt
1.2. Phần thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Có bảng kê khai đầy đủ, rõ ràng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; Tiêu chuẩn sản xuất, chế tạo (nếu có); Nhãn hiệu và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa hoàn toàn phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế kèm theo E-HSMT. - Hàng hoá cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo mới 100%, sản xuất từ 01/01/2026 trở lại đây, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng - Hàng hóa chào thầu của nhà thầu phải có các tài liệu: (<i>Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu, hình ảnh hàng hóa, catalog của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT</i>). + Có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt; + Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) đối với hàng hóa nhập khẩu khi giao hàng; + Đối với hàng hóa, thiết bị trong nước, phải cam kết có: Phiếu xuất xưởng và chứng nhận chất lượng hàng hóa, thiết bị của nhà sản xuất khi giao hàng; + Đối với các hàng hóa, thiết bị có liên quan đến bản quyền phải: Cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về bản quyền phần mềm (nếu có). + Ngoài ra Thiết bị PCCC: Có cam kết các thiết bị được kiểm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	24/11/2020 và được điều chỉnh, bổ sung bởi Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025.	
	<p>- Không có bảng kê khai đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; Tiêu chuẩn sản xuất, chế tạo (nếu có); Nhãn hiệu và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa hoàn toàn phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế kèm theo E-HSMT;</p> <p>Hoặc bảng kê nhưng không đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu ở mục trên;</p> <p>Hoặc không có cam kết các thiết bị PCCC được kiểm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và được điều chỉnh, bổ sung bởi Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 Hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu</p>	Không đạt
1.3. Sử dụng phòng thí nghiệm hợp chuẩn của mình hoặc thuê các phòng thí nghiệm hợp chuẩn khác thông qua hợp đồng để thực hiện các phép thử nhằm đảm bảo cung cấp cho chủ đầu tư kết quả thí nghiệm đối với vật tư, vật liệu, cấu kiện đưa vào xây dựng công trình	<p>Có phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm; - Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị thí nghiệm (bản sao công chứng). 	
	Không phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc	
2. Giải pháp kỹ thuật		
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	<p>Có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p>	Đạt
	<p>Không có giải pháp kỹ thuật hoặc không có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hoặc có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p>	Không đạt
2.2. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	<p>Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật</p>	Đạt
	<p>Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng người</p>	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.3. Giải pháp khảo sát hiện trạng, thực tế công trường đề thi công công trình	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Không có giải pháp kỹ thuật hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công		
3.1. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình bao gồm: - Thi công phần ngầm, phần thân nhà làm việc. - Thi công phần kiến trúc, hoàn thiện. - Thi công hệ thống điện, cấp thoát nước, lắp đặt các thiết bị trong công trình.	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ	Đạt
	Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ hoặc có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ nhưng không đầy đủ, không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về tiến độ	Không đạt
4. Tiến độ thi công		
4.1. Thời gian thi công kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 6 tháng có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 6 tháng hoặc không vượt quá 6 tháng nhưng không tính đến điều kiện thời tiết	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b) kèm theo biểu đồ phù hợp với nội dung đề xuất	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b) hoặc không có biểu đồ hoặc có biểu đồ nhưng Không phù hợp với nội dung đề xuất	Không đạt
4.3. Biểu đồ huy động nhân sự, thiết bị hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu đồ nhân sự, thiết bị hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu đồ nhân sự, thiết bị hoặc có biểu đồ nhân sự, thiết bị nhưng không hợp lý, khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
5. Biện pháp đảm bảo chất lượng		
5.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp	Không

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường		
6.1. Biện pháp an toàn lao động cho đơn vị thi công và cho người trong quá trình thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
6.3.1. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, biện pháp xử lý chất thải xây dựng trong quá trình thi công	<i>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải xây dựng trong quá trình thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</i>	Đạt
	<i>Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, hoặc không có biện pháp xử lý chất thải xây dựng trong quá trình thi công hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải xây dựng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</i>	Không đạt
6.3.2. Thu gom, vận chuyển chất thải, xây dựng	<i>Nhà thầu có cam kết về công tác thu gom, vận chuyển chất thải xây dựng và bố trí bãi thải, bãi tập kết vật liệu hợp vệ sinh trong quá trình thi công công trình</i>	Đạt
	<i>Nhà thầu không có cam kết về công tác thu gom, vận chuyển chất thải xây dựng và bố trí bãi thải, bãi tập kết vật liệu hợp vệ sinh trong quá trình thi công công trình</i>	Không đạt
7. Bảo hành, bảo trì		

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Thời gian bảo hành, bảo trì ≥ 12 tháng. Có trình bày nội dung bảo hành, bảo trì công trình	<p>Có đề xuất thời gian bảo hành, bảo trì ≥ 12 tháng.</p> <p>Có trình bày nội dung bảo hành, bảo trì công trình đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT</p>	Đạt
	<p>Không đề xuất thời gian bảo hành, bảo trì hoặc có đề xuất thời gian bảo hành. Bảo trì nhỏ hơn 12 tháng.</p> <p>Hoặc không trình bày nội dung bảo hành, bảo trì công trình.</p> <p>Hoặc trình bày nội dung bảo hành, bảo trì công trình không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.</p>	Không đạt
7.2. Thời gian bảo hành và bảo trì thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết bảo hành ít nhất là 12 tháng cho các thiết bị trong gói thầu và công tác hướng dẫn sử dụng, vận hành. - Đối với các thiết bị, hàng hóa có thời gian bảo hành >12 tháng theo nhà sản xuất thì cam kết thời gian bảo hành theo nhà sản xuất; - Có cam kết bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành ít nhất là 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì) cho các thiết bị của gói thầu. - Có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt 	Đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cam kết bảo hành hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng cho các thiết bị trong gói thầu và công tác hướng dẫn sử dụng, vận hành. - Hoặc không cam kết thời gian bảo hành theo nhà sản xuất, Đối với các thiết bị, hàng hóa có thời gian bảo hành >12 tháng theo nhà sản xuất; - Hoặc không có cam kết bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành hoặc thời gian bảo trì ít hơn 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu không có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì) cho các thiết bị của gói thầu. - Hoặc không có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt 	Không đạt
8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
Thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu và kết quả thực	<ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết của đại diện theo pháp luật của nhà thầu về việc nhà thầu không có hợp đồng nào bị chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu; không có hợp đồng nào bị chấm 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
hiện các hợp đồng tương tự trước đó từ năm 2023 trở lại đây	dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	
	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí 1 đến 8 xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chí xác định là không đạt	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): Không áp dụng

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01E. Bảng khối lượng công việc mời thầu (Đối với loại hợp đồng hồ hợp)	Webform	X	
6	Mẫu số 01F. Bảng tiến độ thực hiện		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Webform		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu			X
16	Mẫu số 07. Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08A. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
18	Mẫu số 08B. Nguồn lực tài chính			X
19	Mẫu số 08C. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện			X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
21	Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt			X